Một số bài thơ Thiền

Tài liệu trích từ web Baike.baidu.com
Dịch giả : Dương đình Hỷ

Bài 1 :

厭	見	千	門	萬	戶
Yếm	kiến	thiên	môn	vạn	hộ
經	過	北	里	南	鄰
Kinh	qua	Bắc	lý	Nam	lân
官	府	鳴	珂	有	底
Quan	phủ	minh	kha	hữu	đắc
崆	峒	散	發	何	人.
Không	đồng	tản	phát	hà	nhân.

王　維

Vương Duy

Dịch :

Chán thấy ngàn vạn môn hộ
Trải qua hàng xóm Bắc Nam
Quan phủ nhìn ngọc tới đáy
Không động tán phát người chăng ?

Bài 2 :

再	見	封	侯	萬	戶

Tái	kiến	phong	hầu	vạn	hộ
立	談	賜	璧	一	雙
Lập	đàm	tứ	bích	nhất	song
詎	勝	耦	耕	南	畝
Cự	thắng	ngẫu	canh	nam	mẫu
何	如	高	臥	東	窗.
Hà	như	cao	ngoạ	đông	song .

王　維

Vương Duy

Dịch :

Lại thấy phong hầu vạn hộ
Nói chuyện tặng một cặp vòng
Hơn cả cầy một mẫu ruộng
Sao bằng nằm cao cửa Đông.

Bài 3 :

寧　浦　舊　事

Ninh phố cựu sự

身	與	杖	藜	為	二
Thân	dữ	trượng	lê	vi	nhị
影	將	明	月	成	三
Ảnh	tướng	minh	nguyệt	thành	tam
骨	肉	未	知	消	息
Cốt	nhục	vị	tri	tiêu	tức

人 生 到 此 何 堪.
Nhân sinh đáo thử hà kham.

秦 觀

Tần Quán

Dịch :

Thân và gậy lê là nhị
Trăng sáng chiếu hình là tam
Xương thịt còn chưa tin tức
Đời người đến vậy sao kham.

Bài 4 :

老 去 轉 無 飽 計
Lão khứ chuyển vô bão kế
醉 來 暫 豁 憂 端
Tuý lai tạm khoát ưu đoan
雙 鬢 多 年 作 雪
Song mấn đa niên tác tuyết
寸 心 至 死 如 丹.
Thốn tâm chí tử như đan .

陸 游

Lục Du

Dịch :

Già rồi không kế no đủ
Say sưa tạm quên lo toan
Tóc mai nhiều năm bạc trắng
Tấm lòng đến chết như son.

Bài 5 :

黑	犢	養	來	純	白
Hắc	độc	dưỡng	lai	thuần	bạch
睡	蛇	死	後	安	眠
Thuỵ	xà	tử	hậu	an	miên
但	有	漉	籬	可	賣
Đản	hữu	lộc	ly	khả	mại
不	妨	到	處	隨	緣.
Bất	phương	đáo	xứ	tuỳ	duyên.

陸　游

Lục　Du

Dịch :

Bê đen nuôi thành bê trắng
Rắn ngủ chết rồi an nhiên
Nhưng có hàng dậu bán được
Chẳng ngại chỗ nào, tùy duyên.

Bài 6 :

五	尺	童	知	大	義
Ngũ	xích	đồng	tri	đại	nghĩa
三	家	市	有	公	言
Tam	gia	thị	hữu	công	ngôn
但	使	一	眠	得	熟

Đản	sử	nhất	miên	đắc	thục
自	餘	萬	事	寧	論!
Tự	dư	vạn	sự	ninh	luận !

陸　游

Lục　Du

Dịch :

Nhỏ năm thước biết đại nghĩa
Ba nhà chợ có lời công
Nhưng khi mắt đã ngủ lỹ
Tự dư vạn sự hanh thông.

Bài 7 :

麥	熟	與	人	同	喜
Mạch	thục	dữ	nhân	đồng	hỷ
虜	驕	為	國	私	憂
Lỗ	kiêu	vi	quốc	tư	ưu
身	似	五	更	春	夢
Thân	tự	ngũ	canh	Xuân	mộng
家	如	一	宿	山	郵.
Gia	như	nhất	túc	sơn	bưu .

陸　游

Lục　Du

Dịch :

Nhiệt tình cùng người vui vẻ
Tù kiêu vì nước lo âu
Than giống năm canh Xuân mộng
Nhà cõi biên thùy đã lâu.

Bài 8 :

高	岸	眼	看	為	谷
Cao	ngạn	nhãn	khán	vi	cốc
寸	根	手	種	成	陰
Thốn	căn	thủ	chủng	thành	âm
一	卷	楚	騷	細	讀
Nhất	quyển	sở	tao	tế	độc
數	行	晉	帖	閒	臨.
Sác	hành	tấn	thiệp	nhàn	lâm .

陸　游

Lục　Du

Dịch :

Bờ cao mắt nhìn thành cốc
Rễ cây trồng cho bóng râm
Quyển sách giở đọc cho kỹ
Vài bước đã đến chỗ nhàn.

Bài 9 :

有	飯	那	思	肉	味
Hữu	phạn	na	tư	nhục	vị
安	居	敢	厭	茅	茨
An	cư	cảm	yếm	mao	tỳ
未	論	顏	淵	陋	巷
Vị	luận	nhan	uyên	bính	hạng
老	農	自	是	吾	師.
Lão	nông	tự	thị	ngô	sư.

陸　游

Lục　Du

Dịch :

Có cơm nào nghĩ tới thịt
An cư nào ghét mái tranh
Chẳng luận là con đường nhỏ
Lão nông cũng là thầy anh.

Bài 10 :

看	著	莊	周	枯	槁
Khán	trước	Trang	Chu	khô	cảo
化	為	胡	蝶	翾	輕
Hoá	vi	hồ	điệp	huyên	khinh
人	見	穿	花	入	柳
Nhân	kiến	xuyên	hoa	nhập	liễu
誰	知	有	體	無	情.

Thuỳ tri hữu thể vô tình .

黃 庭 堅

Hoàng Đình Kiên

Dịch :

Nhìn xem Trang Chu cổ bản
Hóa thành bướm lượn nhẹ tênh
Người thấy xuyên hoa vào liễu
Ai biết có thể, không tình.

Bài 11 :

春 景

Xuân cảnh

門	對	鶴	溪	流	水
Môn	đối	hạc	khê	lưu	thuỷ
雲	連	雁	宕	仙	家
Vân	liên	nhạn	đãng	tiên	gia
誰	解	幽	人	幽	意
Thuỳ	giải	u	nhân	u	ý
慣	看	山	鳥	山	花.
Quán	khán	sơn	điểu	sơn	hoa .

李 白

Lý Bạch

Dịch :

Cửa đối suối hạc nước siết
Mây, nhạn phóng túng tiên gia
Ai giải người buồn, sầu ý

Nhìn quen chim núi và hoa.

Bài 12 :

夏　景

Hạ cảnh

竹	簟	高	人	睡	覺
Trúc	điệm	cao	nhân	thuỵ	giác
水	亭	野	客	狂	登
Thuỷ	đình	dã	khách	cuồng	đăng
簾	外	熏	風	燕	語
Liêm	ngoại	huân	phong	yến	ngữ
庭	前	綠	樹	蟬	鳴.
Đình	tiền	lục	thụ	thiền	minh.

李　白

Lý Bạch

Dịch :

Chiếu cói cao nhân nằm ngủ
Thủy đình dã khách đi lên
Ngoài rèm gió vang tiếng én
Trước đình đầy tiếng ve rên.

Bài 13 :

秋　景

Thu cảnh

昨	夜	西	風	忽	轉
Tạc	dạ	Tây	phong	hốt	chuyển
驚	看	雁	度	平	林
Kinh	khán	nhạn	độ	bình	lâm
詩	興	正	當	幽	寂
Thi	hứng	chánh	đương	u	tịch
推	敲	韻	落	寒	幀.
Thôi	xao	vận	lạc	hàn	tránh.

李　白

Lý Bạch

Dịch :

Đêm qua gió Tây bỗng chuyển
Nhìn nhạn sợ đậu ở rừng
Thi hứng chính đương sầu lặng
Âm vận rơi tranh lạnh lùng.

Bài 14 :

冬　景

Đông cảnh

凍	筆	新	詩	懶	寫
Đống	bút	tân	thi	lãn	tả
寒	爐	美	酒	時	溫
Hàn	lô	mỹ	tửu	thời	ôn
醉	看	墨	花	月	白

Tuý	khán	mặc	hoa	nguyệt	bạch
恍	疑	雪	落	前	村.
Hoảng	nghi	tuyết	lạc	tiền	thôn.

李　白

Lý Bạch

Dịch :

Bút đóng thơ mới ngại tả
Bếp lạnh ấm áp rượu ngon
Say ngắm hoa vẽ, trăng sáng
Nghi rằng tuyết rơi trước thềm.

Bài 15 :

江　南

Giang Nam

青	草	池	邊	草	色
Thanh	thảo	trì	biên	thảo	sắc
飛	猿	嶺	上	猿	聲
Phi	viên	lãnh	thượng	viên	thanh
萬	里	湘	江	客	到
Vạn	lý	tương	giang	khách	đáo
有	風	有	雨	人	行.
Hữu	phong	hữu	vũ	nhân	hành.

王　建

Vương Kiến

Dịch :

Sắc cỏ bờ ao xanh biếc
Vượn trèo lên núi kêu vang
Khách đến Tương Giang vạn lý
Có gió, mưa, người lang thang.

Bài 16 :

山　行

Sơn hành

家	住	白	雲	山	北
Gia	trụ	bạch	vân	sơn	Bắc
路	迷	碧	水	橋	東
Lộ	mê	bích	thuỷ	kiều	Đông
短	髮	瀟	瀟	暮	雨
Đoản	phát	tiêu	tiêu	mộ	vũ
長	襟	落	落	秋	風.
Trường	khâm	lạc	lạo	Thu	phong.

杜　牧

Đỗ Mục

Dịch :

Nhà ở núi Bắc mây trắng
Lạc đường cầu Đông nước xanh
Mưa chiều hiu hắt tóc ngắn
Cổ dài gió Thu đón anh.

Bài 17 :

望　月

Vọng nguyệt

聽	月	樓	高	太	清
Thính	nguyệt	lâu	cao	thái	thanh
南	山	對	戶	分	明
Nam	sơn	đối	hộ	phân	minh
昨	夜	姮	娥	現	影
Tạc	dạ	Hằng	Nga	hiện	ảnh
嫣	然	笑	里	傳	聲.
Yên	nhiên	tiếu	lý	truyền	thanh.

王　昌　齡

Vương Xương Linh

Dịch :

Vẳng nghe lầu nguyệt tiếng trong
Cửa đối núi Nam rõ ràng
Đêm qua Hằng Nga hiện ảnh
Tươi cười truyền đến âm thanh.

Bài 18 :

山　寺　秋　齋

Sơn tự thu trai

水	落	溪	流	淺	淺
Thuỷ	lạc	khê	lưu	thiển	thiển
寺	秋	山	靄	蒼	蒼
Tự	Thu	sơn	ái	thương	thương
樹	色	尤	含	殘	雨
Thụ	sắc	vưu	hàm	tàn	vũ
鐘	聲	遠	帶	斜	陽.
Chung	thanh	viễn	đái	tà	dương.

張　仲　素

Trương Trọng Tố

Dịch :

Nước đổ suối chẩy cuồn cuộn
Chùa Thu sương núi xanh xanh
Mầu cây lại chứa mưa cũ
Xa xa chuông gọi tà dương.

Bài 19 :

村　居

Thôn cư

夾	岸	人	家	臨	鏡
Giáp	ngạn	nhân	gia	lâm	kính
孤	村	燈	火	懸	星
Cô	thôn	đăng	hoả	huyền	tinh
喬	木	千	枝	鷺	下

Kiều	mộc	thiên	chi	lộ	hạ
深	潭	百	尺	龍	吟.
Thâm	đàm	bách	xích	long	ngâm.

岑 參

Sầm Tham

Dịch :

Trên bờ người ta ngắm cảnh
Cô thôn đèn lửa trăng sao
Cầu gỗ khi xuống sợ hãi
Đầm sâu trăm thước rồng gào.

Bài 20 :

煙 雨

Yên vũ

煙	雨	湖	光	軟	漾
Yên	vũ	hồ	quang	nhuyễn	Dạng
空	濛	山	色	生	奇
Không	mông	sơn	sắc	sanh	cơ
憶	自	段	家	橋	水
Ức	tự	đoạn	gia	kiều	thuỷ
流	連	不	覺	遄	飛.
Lưu	liên	bất	giác	thuyên	phi.

韋 應 物

Vi Ứng Vật

Dịch :

Khói mưa soi rọi sông Dạng
Mầu núi mông lung lạ kỳ
Lại nhớ nước cầu nhà tớ
Chầm chậm bất giác trôi đi.

Bài 22 :

鉛 山 立 春

Duyên sơn lập xuân

行	盡	風	林	雪	徑
Hành	tận	phong	lâm	tuyết	kính
依	然	水	館	山	村
Y	nhiên	thuỷ	quán	sơn	thôn
卻	是	春	風	有	腳
Khước	thị	xuân	phong	hữu	cước
今	朝	先	到	柴	門.
Kim	triêu	tiên	đáo	Sài	môn.

朱 熹

Chu Hy

Dịch :

Đi hết gió rừng, đường tuyết
Thì thấy thủy quán của thôn
Nếu là gió Xuân cất bước
Sáng nay trước đến Sài môn.

Bài 22 :

山	路	只	通	樵	客
Sơn	lộ	chỉ	thông	tiều	khách
江	村	半	是	漁	家
Giang	thôn	bán	thị	ngư	gia
秋	水	磯	邊	落	雁
Thu	thuỷ	cơ	biên	lạc	nhạn
夕	陽	影	裡	飛	鴉.
Tịch	dương	ảnh	lý	phi	nha.

徐 有 貞

Từ Hữu Trinh

Dịch :

Đường núi chỉ dành tiều khách
Xóm chài quá nửa ngư gia
Sông Thu nhạn đậu ghềnh đá
Trong bóng chiều quạ bay qua.

Bài 23 :

門	外	青	山	朵	朵
Môn	ngoại	thanh	sơn	đoá	đoá
窗	前	黃	葉	蕭	蕭
Song	tiền	huỳnh	diệp	tiêu	tiêu
獨	坐	了	無	言	說
Độc	toạ	liễu	vô	ngôn	thuyết

回 看 妄 想 全 消.
Hồi khán vọng tưởng toàn tiêu.

憨 山 大 師
Hám Sơn đại sư

Dịch :

Ngoài cửa núi xanh lớp lớp
Trước cửa lá vàng hiu hiu
Ngồi lẻ, đèn lạnh, không nói
Ngoảnh nhìn vọng tưởng toàn tiêu.

Bài 24 :

雪 裡 梅 花 初 放
Tuyết lý mai hoa sơ phóng
暗 香 深 夜 飛 來
Ám hương thâm dạ phi lai
正 對 寒 燈 獨 坐
Chánh đối hàn đăng độc toạ
忽 將 鼻 孔 沖 開.
Hốt tướng tỵ khổng trùng khai.

憨 山 大 師
Hám Sơn đại sư

Dịch :

Trong tuyết hoa mai nở rộ
Đêm thâu hương nồng la đà
Đối người đèn lạnh, ngồi lẻ
Bỗng nhiên lỗ mũi nở ra.

Bài 25 :

松	下	數	椽	茅	屋
Tùng	hạ	sác	chuyên	mao	ốc
眼	前	四	面	青	山
Nhãn	tiền	tứ	diện	thanh	sơn
日	月	升	沈	不	住
Nhật	nguyệt	thăng	trầm	bất	trụ
白	雲	來	去	常	閒.
Bạch	vân	lai	khứ	thường	nhàn.

憨 山 大 師

Hám Sơn đại sư

Dịch :

Dưới tùng vài ngôi nhà cỏ
Trước mặt bốn phía núi xanh
Ngày tháng lên xuống không trụ
Mây trắng đến đi thường nhàn.

Bài 26 :

雲	散	長	空	雨	過
Vân	tán	trường	không	vũ	quá
雪	消	寒	谷	春	生
Tuyết	tiêu	hàn	cốc	Xuân	sanh
但	覺	身	如	水	洗

Đản giác thân như thuỷ tẩy.
不 知 心 似 冰 清.
Bất tri tâm tự băng thanh.

永 明 智 覺 禪 師

Vĩnh Minh Trí Giác thiền sư

Dịch :

Mưa qua trường không mây tản
Cốc lạnh tuyết tan Xuân sinh
Cảm thấy thân mình nước chẩy
Chẳng biết tâm như tảng băng.

Bài 27 :

空 谷 諸 塵 盡 謝
Không cốc chư trần tận tạ
止 留 一 片 閒 雲
Chỉ lưu nhất phiến nhàn vân
伴 我 松 根 揮 塵
Bạn ngã tùng căn huy trần
堪 多 麋 鹿 成 群.
Kham đa mi lộc thành quần.

永 明 智 覺 禪 師

Vĩnh Minh Trí Giác thiền sư

Dịch :

Không cốc mọi trần tàn tạ
Lưu lại một phiến nhàn mây

Bạn tôi gốc tùng phủi bụi
Nhiều con nai lớn họp bầy.

Bài 28 :

靜	夜	鐘	聲	不	住
Tĩnh	dạ	chung	thanh	bất	trụ
石	床	夢	想	俱	空
Thạch	sàng	mộng	tưởng	câu	không
開	眼	不	知	何	處
Khai	nhãn	bất	tri	hà	xứ
但	聽	滿	耳	松	風.
Đản	thính	mãn	nhĩ	tùng	Phong.

永 明 智 覺 禪 師

Vĩnh Minh Trí Giác thiền sư

Dịch :

Không trú tiếng chuông đêm lặng
Giường đá mộng tưởng đều không
Mở mắt, chỗ nào đâu biết
Tai đầy những tiếng gió thông.

Bài 29 :

清	淨	涵	空	寶	鏡
Thanh	tịnh	hàm	không	bảo	kính
春	來	水	滿	澎	湖

Xuân	lai	thuỷ	mãn	Bành	hồ
照	徹	廬	山	面	目
Chiếu	triệt	Lư	sơn	diện	mục
月	如	額	上	明	珠.
Nguyệt	như	ngạch	thượng	minh	châu.

.

永 明 智 覺 禪 師

Vĩnh Minh Trí Giác thiền sư

Dịch :

Thanh tĩnh chứa không bảo cảnh
Nước đầy Bành hồ, Xuân về
Chiếu rõ Lư Sơn diện mục
Trăng như ngọc sáng đẹp ghê.

Bài 30 :

世	界	光	如	水	月
Thế	giới	quang	như	thuỷ	nguyệt
身	心	皎	若	琉	璃
Thân	tâm	kiểu	nhược	lưu	ly
但	見	冰	消	澗	底
Đản	kiến	băng	tiêu	giản	để
不	知	春	上	花	枝.
Bất	tri	Xuân	thượng	hoa	chi.

永 明 智 覺 禪 師

Vĩnh Minh Trí Giác thiền sư

Dịch :

Thế giới như trăng trong nước
Thân tâm sáng như pha lê
Nhưng thấy băng tan đáy suối
Đâu biết mùa Xuân đã về.

Bài 31 :

溪 村

Khê thôn

雨	洗	山	光	綠	淨
Vũ	tẩy	sơn	quang	lục	tịnh
波	涵	天	影	清	空
Ba	hàm	thiên	ảnh	thanh	không
草	際	自	浮	鵝	鴨
Thảo	tế	tự	phù	nga	áp
柳	陰	分	坐	兒	童.
Liễu	âm	phân	toạ	nhi	đồng.

朱 繼 芳

Chu Kế Phương

Dịch :

Mưa rửa ngọn núi xanh lục
Sóng chứa ảnh trời xanh không
Bãi cỏ đậu đầy ngỗng vịt
Bóng liễu chia ngồi nhi đồng.

Bài 32 :

自　嘲

Tự　trào

壯	歲	喜	新	兇	物
Tráng	tuế	hỷ	tân	hung	vật
老	來	惜	舊	年	華
Lão	lai	tích	cựu	niên	hoa
病	後	都	盧	不	問
Bệnh	hậu	đô	lư	bất	vấn
家	人	時	換	瓶	花.
Gia	nhân	thời	hoán	bình	hoa.

范　成　大

Phạm Thành Đại

Dịch :

Tráng niên thích thú vật dữ
Già rồi tiếc tuổi niên hoa
Bị bệnh đều lo, không hỏi
Người nhà thay đổi bình hoa.

Bài 33 :

早	歲	已	歸	南	陌
Tảo	tuế	dĩ	quy	Nam	mạch
暮	年	常	在	東	籬
Mộ	niên	thường	tại	Đông	ly

短	衣	幸	能	掩	脛
Đoản	y	hạnh	năng	yểm	kính
長	劍	何	須	拄	頤?
Trường	kiếm	hà	tu	trụ	di ?

陸　游

Lục　Du

Dịch :

Tuổi trẻ đã về Nam mạch
Tuổi già thường ở ly Đông
Áo ngắn có thể che thịt
Kiếm dài chống cầm được chăng ?

Bài 34 :

酌	酒	會	臨	泉	水
Chước	tửu	cối	lâm	tuyền	thuỷ
抱	琴	好	倚	長	松
Bão	cầm	hảo	ỷ	trường	tùng
南	園	露	葵	朝	折
Nam	viên	lộ	quỳ	triêu	chiết
東	谷	黃	粱	夜	舂.
Đông	cốc	Hoàng	Lương	dạ	thung.

王　維

Vương Duy

Dịch :

Mời rượu đến bên bờ suối
Ôm đàn dựa gốc cây thông
Sương quỳ vườn Nam phá vỡ
Đêm Hoàng Lương ở cốc Đông.

Bài 35 :

山	下	孤	煙	遠	村
Sơn	hạ	cô	yên	viễn	thôn
天	邊	獨	樹	高	原
Thiên	biên	độc	thụ	cao	nguyên
一	瓢	顏	回	陋	巷
Nhất	biểu	Nhan	Hồi	lậu	hạng
五	柳	先	生	對	門.
Ngũ	Liễu	tiên	sinh	đối	môn.

王　維

Vương Duy

Dịch :

Khói lẻ, làng xa, xuống núi
Bên trời cao nguyên một cây
Nhan Hồi cầm bầu ngõ hẹp
Ngũ Liễu tiên sinh tới đây.

Bài 36 :

開　元　樂

Khai nguyên nhạc

心 事 數 莖 白 髮
Tâm sự sác kính bạch phát
生 涯 一 片 青 山
Sanh nhai nhất phiến thanh sơn
空 山 有 雪 相 待
Không sơn hữu tuyết tương đãi
野 路 無 人 自 還.
Dã lộ vô nhân tự hoàn.

李 煜

Lý Dục

Dịch :

Nhiều tâm sự khiến cho tóc bạc
Sinh nhai một phiến núi xanh
Núi không có tuyết đối đãi
Đường quê không người tự hoàn.

Bài 37 :

題 王 晉 卿 山 水

Đề Vương Tấn Khanh sơn thuỷ

老 去 君 空 見 畫
Lão khứ quân không kiến hoạ
夢 中 我 亦 曾 遊
Mộng trung ngã diệc hội du
桃 花 縱 落 誰 見

Đào hoa sỉ lạc thuỳ kiến
水 到 人 間 伏 流.
Thuỷ đáo nhân gian phục lưu.

蘇 軾

Tô Thức

Dịch :

Tuổi già ông không thấy vẽ
Trong mộng tôi lại biết bơi
Hoa đào rơi rụng ai thấy
Nước đến nhân gian lại trôi.

Bài 38 :

萬 里 草 荒 先 壟
Vạn lý thảo hoang tiên lũng
六 年 蟲 蠹 群 經
Lục niên trùng đố quần kinh
老 喜 寬 恩 放 去
Lão hỷ khoan ân phóng khứ
心 似 驚 波 不 停.
Tâm tự kinh ba bất đình.

黃 庭 堅

Hoàng Đình Kiên

Dịch :

Vạn lý cỏ hoang thấy mộ
Sách bám đầy mọt sáu năm

Già lão vui vẻ phóng bỏ
Sợ sóng không ngừng là tâm.

Bài 39 :

舍 北 閒 望

Xả Bắc nhàn vọng

潘	岳	一	篇	秋	興
Phan	nhạc	nhất	thiên	thu	hứng
李	成	八	幅	寒	林
Lý	thành	bát	bức	hàn	lâm
舍	北	偶	然	倚	杖
Xả	Bắc	ngẫu	nhiên	ỷ	trượng
盡	見	古	人	用	心.
Tận	kiến	cổ	nhân	dụng	tâm.

陸 游

Lục Du

Dịch :

Phan nhạc một thiên thu hứng
Lý Thành tám bức hàn lâm
Xá Bắc ngẫu nhiên chống gậy
Thấy hết cổ nhân dụng tâm.

Bài 40 :

從	來	不	似	一	物
Tòng	lai	bất	tự	nhất	vật

妄	欲	貫	穿	九	流
Vọng	dục	quán	xuyên	cửu	lưu
骨	硬	非	黃	閣	相
Cốt	ngạnh	phi	hoàng	các	tướng
眼	青	見	白	蘋	洲.
Nhãn	thanh	kiến	bạch	tần	châu.

黃 庭 堅

Hoàng Đình Kiên

Dịch :

Xưa giờ không giống một vật
Vọng, dục quán xuyến cửu lưu
Xương cứng không tướng hoàng các
Con mắt thấy Bạch Tần Châu.

Bài 41 :

惠 崇 蘆 雁

Huệ sùng Lư nhạn

惠	崇	煙	雨	蘆	雁
Huệ	Sùng	yên	vũ	Lư	nhạn
坐	我	瀟	湘	洞	庭
Toạ	ngã	tiêu	tương	Động	Đình
欲	買	扁	舟	歸	去
Dục	mãi	biên	châu	quy	khứ
故	人	云	是	丹	青.

Cố nhân vân thị đan thanh.

蘇 軾

Tô Thức

Dịch :

Huệ cao mưa khói lan, nhạc
Ngồi thuyền tiêu tương Động Đình
Muốn mua biển để quay lại
Cố nhân nói rằng đơn tình.

Bài 42 :

採	菱	渡	頭	風	急
Thái	lăng	độ	đầu	phong	cấp
策	杖	林	西	日	斜
Sách	trượng	lâm	Tây	nhật	tà
杏	樹	壇	邊	漁	父
Hạnh	thụ	đàn	biên	ngư	phụ
桃	花	源	里	人	家.
Đào	hoa	nguyên	lý	nhân	gia.

王 維

Vương Duy

Dịch :

Thái ấu qua hồ gió gấp
Chống gậy rừng Tây chiều tà
Bên đài gỗ hạnh ngư phủ

Là Đào hoa nguyên nhân gia.

Bài 43 :

雜　興

Tạp hứng

廣	平	作	梅	花	賦
Quảng	bình	tác	mai	hoa	phú
少	陵	無	海	棠	詩
Thiếu	lăng	vô	hải	đường	thi
正	自	一	時	偶	爾
Chánh	tự	nhất	thời	ngẫu	nhĩ
俗	人	平	地	生	疑.
Tục	nhân	bình	địa	sanh	nghi.

陸　游

Lục Du

Dịch :

Ở Quảng Bình làm mai phú
Thiếu Lăng không Hải Đường thi
Nhất thời chính tự ngẫu nhĩ
Người tục đất bằng sinh nghi.

Bài 44 :

桃	紅	复	含	宿	雨
Đào	hồng	phúc	hàm	túc	vũ
柳	綠	更	帶	春	煙
Liễu	lục	canh	đái	Xuân	yên
花	落	家	童	未	掃
Hoa	lạc	gia	đồng	vị	tảo
鶯	啼	山	客	尤	眠.
Oanh	đề	sơn	khách	vưu	miên.

王　維

Vương Duy

Dịch :

Đào hồn hàm chứa mưa xuống
Liễu lục mang theo khói Xuân
Hoa rơi tiểu đồng chưa quét
Oanh hót khách núi ngủ yên.

Bài 45 :

擬　田　園　樂

Nghĩ điền viên lạc

買	田	何	須	近	郭
Mãi	điền	hà	tu	cận	quách
作	屋	卻	要	依	山
Tác	ốc	khước	yêu	y	sơn
青	松	共	我	縱	始
Thanh	tùng	cộng	ngã	sỉ	thỉ

白　鳥　隨　人　去　還.
Bạch　điểu　tuỳ　nhân　khứ　hoàn.

彭　汝　礪
Bành　Nhữ　Lệ

Dịch :

Mua ruộng đâu cần gần quách
Xây nhà đâu cần dựa non
Thông xanh với tôi lúc mới
Chim trắng theo người về không ?

Bài 46 :

萋　萋　春　草　秋　綠
Thê　thê　Xuân　thảo　thu　lục
落　落　長　松　夏　寒
Lạc　lạc　trường　tùng　hạ　hàn
牛　羊　自　歸　村　巷
Ngưu　dương　tự　quy　thôn　hạng
童　稚　不　識　衣　冠.
Đồng　trĩ　bất　chí　y　quan.

王　維
Vương Duy

Dịch :

Cỏ Xuân mướt Thu xanh lục

Hạ lạnh rơi, rơi lá thông
Trâu, dê tự về thôn hạng
Trẻ nít chẳng phân quan, công.

Bài 47 :

自　嘲

Tự　trào

攢	眉	輒	作	山	字
Toàn	mi	chiếp	tác	sơn	tự
啾	耳	惟	聞	水	聲
Thu	nhĩ	duy	văn	thuỷ	thanh
人	應	見	憐	久	病
Nhân	ưng	kiến	lân	cửu	bệnh
我	亦	自	厭	餘	生.
Ngã	diệc	tự	yếm	dư	sanh.

范　成　大

Phạm Thành Đại

Dịch :

Nhăn mày liền viết chữ núi
Tai chỉ đầy tiếng thủy thanh
Người thấy hang xóm mắc bệnh
Tớ cũng chán kiếp dư sinh.

Bài 48 :

淨	几	橫	琴	曉	寒
Tịnh	cơ	hoành	cầm	hiểu	hàn
梅	花	落	在	弦	間
Mai	hoa	lạc	tại	huyền	gian
我	欲	清	吟	無	句
Ngã	dục	thanh	ngâm	vô	câu
轉	煩	門	外	青	山.
Chuyển	phiền	môn	ngoại	thanh	sơn.

楊 簡 註

Dương Giản Chú

Dịch :

Ghế sạnh, đàn ngang, sáng lạnh
Hoa mai rơi xuống dây đàn
Tôi muốn ngâm nga không chữ
Chuyển phiền muộn ra ngoài đàng.

Bài 49 :

欲	行	水	遶	山	圍
Dục	hành	thuỷ	nhiễu	sơn	vi
但	聞	鯤	化	鵬	飛
Đản	văn	côn	hoá	bằng	phi
女	憂	鬢	髮	盡	白
Nữ	ưu	mấn	phát	tận	bạch
兄	嘆	江	船	未	歸.

Huynh thán giang thuyền vị quy.

黃 庭 堅

Hoàng Đình Kiên

Dịch :

Muốn theo dòng nước lượn núi
Lại nghe Côn hóa Bằng bay
Nữ lo tóc mai bạc trắng
Anh than thuyền chửa về ngay.

Bài 50 :

幽	州	已	投	斧	柯
U	châu	dĩ	đầu	phủ	kha
崇	山	更	用	憂	何
Sùng	sơn	canh	dụng	ưu	hà
且	喜	龔	鄒	冠	豸
Thả	hỷ	cung	trâu	quan	trãi
又	聞	張	董	上	坡.
Hựu	văn	trương	đổng	thượng	pha.

黃 庭 堅

Hoàng Đình Kiên

Dịch :

U châu đã chặt cây Kha
Việc gì Sùng Sơn lo mà
Vui, họ Cung làm ngự sử

Lại nghe Trương Đổng lên đê.

Bài 51 :

自　適

Tự thích

山	南	結	其	蔽	廬
Sơn	nam	kết	kỳ	tế	lư
林	下	返	吾	初	服
Lâm	hạ	phản	ngô	sơ	phục
寧	為	五	斗	折	腰
Ninh	vi	ngũ	đẩu	chiết	yêu
何	如	一	瓢	滿	腹.
Hà	như	nhất	biểu	mãn	phúc.

王　維

Vương Duy

Dịch :

Núi Nam kết nhà che lấp
Trong rừng mặc như lúc đầu
Yên chí năm bát là đủ
Sao bằng bụng đầy bí, bầu.